TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 13/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 11-04-2018
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN- TỈNH YÊN BÁI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Đỗ Tiến Phúc**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Quyền .

2. Bà Ngô Thị Hoa

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiếu– Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên tham gia phiên tòa: Ông **Đỗ Ngọc Huấn**- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 308/2017/TLST - HNGĐ ngày 25-12-2017 về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2018 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số: 01/TB-TA ngày 22 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Đình H- Sinh năm 1984

Địa chỉ: Tổ 1, thôn G, thị trấn M, huyện V, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Minh T– Sinh năm 1991

Địa chỉ: Tổ 1, thôn G, thị trấn M, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nộp ngày 25-12-2017; bản tự khai; các tài liệu có trong hồ sơ và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Phạm Đình H trình bày:

Anh Phạm Đình H kết hôn với chị Nguyễn Thị Minh T ngày 21 tháng 05 năm 2010 trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã N, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung

sống hạnh phúc đến tháng 6 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do hai vợ chồng tính cách không phù hợp, bất đồng quan điểm sống và trong cách làm ăn kinh tế dẫn đến thường xuyên cãi chửi nhau nên tình cảm vợ chồng rạn nứt. Hai vợ chồng đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không thành nên tình cảm vợ chồng không cải thiện được. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9-2017 đến nay, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng đã hết, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Minh T.

Về con chung: Anh Phạm Đình H và chị Nguyễn Thị Minh T có 02 con chung:

+ Phạm Minh Th- Sinh ngày 29-5-2011.

+ Phạm Anh T- Sinh ngày 15-4-2013.

Ly hôn anh H có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Phạm Minh Th để chị Nguyễn Thị Minh T nuôi dưỡng cháu Phạm Anh T. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Phạm Đình H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập chị Nguyễn Thị Minh T nhiều lần nhưng chị T vắng mặt không có lý do. Tại Biên bản xác minh ngày 25-01-2018 và ngày 01-02-2018 thể hiện:

Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị Minh T và anh Phạm Đình H kết hôn ngày 21 tháng 05 năm 2010 trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã N, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn G, thị trấn M, huyện V đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do hai vợ chồng tính cách không phù hợp, bất đồng quan điểm sống thường xuyên cãi chửi nhau nên tình cảm vợ chồng rạn nứt. Đến khoảng tháng 12-2017 chị T đã bế con chung là Phạm Anh T- Sinh ngày 15-4-2013 bỏ nhà đi đâu không báo cáo tổ, thôn. Nay anh H xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Minh T và anh Phạm Đình H có 02 con chung:

+ Phạm Minh Th- Sinh ngày 29-5-2011.

+ Phạm Anh T- Sinh ngày 15-4-2013.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Minh T và anh Phạm Đình H không có tài sản chung.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án:

Căn cứ vào các Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 56, điều 81, điều 82, điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 27 Nghị quyết số: 326 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Phạm Đình H.

+ Giao con chung Phạm Minh Th- Sinh ngày 29-5-2011 cho anh Phạm Đình H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục. Giao con chung là và Phạm Anh T- Sinh ngày 15-4-2013 cho chị Nguyễn Thị Minh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Anh Phạm Đình H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không không xem xét.

+ Về án phí: Anh Phạm Đình H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị Nguyễn Thị Minh T không phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về tố tụng dân sự: Anh Phạm Đình H có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái giải quyết việc hôn nhân của anh và chị Nguyễn Thị Minh T. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

Tại phiên tòa ngày 14-03-2018 chị Nguyễn Thị Minh T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, do vậy Hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa. Đến phiên tòa ngày hôm nay (11-4-2018) chị Nguyễn Thị Minh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung

quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2]. ***Về quan hệ hôn nhân:*** Anh Phạm Đình H và chị Nguyễn Thị Minh T tự nguyện kết hôn ngày 21 tháng 05 năm 2010 đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã N, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã tự hòa giải nhiều lần song không thành. Nay anh H xác định tình cảm vợ chồng đã hết, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị Minh T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tại biên bản xác minh ngày 25-01-2018 và ngày 01-02-2018 thể hiện: Chị Nguyễn Thị Minh T và anh Phạm Đình H kết hôn ngày 21 tháng 05 năm 2010 trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã N, huyện Vĩ, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng bố mẹ chồng tại Tổ 1, thôn G, thị trấn M, huyện Văn Yên đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do hai vợ chồng tính cách không phù hợp, bất đồng quan điểm sống thường xuyên cãi chửi nhau nên tình cảm vợ chồng rạn nứt. Đến khoảng tháng 12-2018 chị T đã bỏ nhà đi đâu không báo cáo tổ, thôn.

Xét mâu thuẫn giữa anh H và chị T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của anh Phạm Đình H với chị Nguyễn Thị Minh T là có cơ sở và phù hợp nên cần được chấp nhận.

[3]. ***Về con chung:*** Chị Nguyễn Thị Minh T và anh Phạm Đình H có 02 con chung:

+ Phạm Minh Thuận- Sinh ngày 29-5-2011.

+ Phạm Anh Tuấn- Sinh ngày 15-4-2013.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh H trình bày: Hiện tại anh Phạm Đình H đang chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phạm Minh Th, sinh ngày 29-05-2011 còn cháu Phạm Anh T, sinh ngày 15-4-2013 khi chị T bỏ nhà đi đã bế theo cháu T. Ly hôn anh H có nguyện vọng được nuôi cháu Th để chị T nuôi cháu T, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng của anh H phù hợp với điều kiện thực tế nên cần được chấp nhận. Giao cháu Phạm Minh Th- Sinh ngày 29-5-2011 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

Giao cháu Phạm Anh T- Sinh ngày 15-4-2013 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

[4]. ***Về việc cấp dưỡng nuôi con:***

Anh Phạm Đình H không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. ***Về tài sản chung và nợ chung:*** Anh Phạm Đình H và chị Nguyễn Thị Minh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[5]. ***Về chi phí tố tụng và các vấn đề khác:*** Anh Phạm Đình H phải chịu tiền án phí HNGĐ sơ thẩm, chị Nguyễn Thị Minh T không phải chịu tiền án phí HNGĐ sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình.

Áp dụng khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1.Về quan hệ hôn nhân:

Cho ly hôn giữa anh Phạm Đình H và chị Nguyễn Thị Minh T.

2. Về con chung:

Giao cháu Phạm Minh Th- Sinh ngày 29-5-2011 cho anh Phạm Đình H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

Giao cháu Phạm Anh T- Sinh ngày 15-4-2013 cho chị Nguyễn Thị Minh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Anh Phạm Đình H và chị Nguyễn Thị Minh T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

3. Về án phí:

Anh Phạm Đình H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số: AA/2013/04668 ngày 25-12-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Anh H đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, anh Phạm Đình H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị Nguyễn Thị Minh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Tòa án tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Yên
- Các đương sự;
-UBND xã N, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.
- Lưu HS; TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Tiến Phúc